TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P **TỈNH THÁI NGUYÊN** Số: 75/2019/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *P, ngày 04 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 99/2019/TLST/HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Dương Thị M, sinh năm 1996

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn T và chị Dương Thị M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Dương Thị M thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Dương Thị M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 15/9/2016 cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

2.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị Dương Thị M với số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, cho đến khi cháu K trưởng thành, đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 15/7/2019, thanh toán 06 tháng một lần, vào ngày 30 tháng 6 và ngày 30 tháng 12 hàng năm.

2.4. Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị M có đơn yêu cầu thi hành, anh T không tự nguyện thi hành được khoản tiền cấp dưỡng trên, thì hàng tháng cũng phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.5. Về tài sản chung, nợ chung: Cả hai bên đương sự (Anh Nguyễn Văn T và chị Dương Thị M) đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.6. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp và được hoàn trả lại 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000796 ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Chị Dương Thị M phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện P;
- UBND xã T;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Sái Đức Trung